

UBND TỈNH HƯNG YÊN
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Số: 64/BC-SNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 05 tháng 5 năm 2017

BÁO CÁO

**Thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành thủy lợi
và Đề án Nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi**

Thực hiện công văn số 2810/BNN-TCTL ngày 04/4/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc báo cáo sơ kết 3 năm thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành thủy lợi và Đề án Nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo như sau:

I. Khái quát về công tác thủy lợi

1. Hạ tầng thủy lợi và nhiệm vụ của công tác thủy lợi phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, phòng chống thiên tai và xây dựng nông thôn mới

a) *Về thủy lợi nội đồng:* Đến nay, toàn tỉnh đã đầu tư xây dựng đưa vào khai thác sử dụng 636 trạm bơm, trong đó: Chuyên tưới 415 trạm, chuyên tiêu 65 trạm và tưới tiêu kết hợp 156 trạm. Hệ thống kênh nội đồng của tỉnh cơ bản hoàn thiện từ công trình đầu mối đến mặt ruộng, với tổng chiều dài hơn 6.289km, trong đó: Kênh Bắc Hưng Hải là 93,5km; kênh trục liên huyện và kênh dẫn nước tưới, tiêu chính là 1.195km; kênh tiêu thủy lợi hơn 5.000km kênh mương tiêu thủy lợi nội đồng làm nhiệm vụ tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh và các ngành kinh tế khác trên địa bàn tỉnh.

b) *Về đê điều:* Hệ thống đê điều trên địa bàn tỉnh có 2 tuyến đê là tả sông Hồng và tả sông Luộc tổng chiều dài 2 tuyến đê là 79,706km. Đê tả sông Hồng là đê cấp I từ K₇₆₊₈₉₄ đến K₁₃₃₊₀₅₀ qua đê trong Nghi Xuyên chiều dài 56,156km (Từ Xuân Quan- Văn Giang đến Tân Hưng-thành phố Hưng Yên) và đoạn đê ngoài Nghi Xuyên từ K₁₀₃₊₈₀₀ đến K₁₀₆₊₆₅₀ dài 2,85km. Đê tả sông Luộc là đê cấp II từ K0 đến K₂₀₊₇₀₀, chiều dài tuyến đê tả sông Luộc là 20,7km; ngoài ra còn có hệ thống các kè trên đê tả sông Hồng và đê tả sông Luộc tỉnh Hưng Yên.

2. Hiện trạng tổ chức, bộ máy và nhân sự

a) *Quản lý công trình thủy lợi:* Hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh hiện do Công ty TNHH Một thành viên khai thác công trình thủy lợi tỉnh và 153 tổ chức hợp tác dùng nước (HTX) trực tiếp tham gia quản lý, khai thác phục vụ sản xuất. Tổng số cán bộ, nhân viên, công nhân làm công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh là: 2.205 người, trong đó:

- Công ty TNHH Một thành viên khai thác công trình thủy lợi tỉnh hoạt động theo mô hình văn phòng Công ty gồm các phòng chuyên môn, dưới các huyện, thành phố 9 Xí nghiệp và đến các cụm, các trạm. Bộ máy bao gồm: Văn phòng Công ty (Chủ tịch Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, 03 Phó giám đốc và 04 phòng ban chuyên môn), các Xí nghiệp (Giám đốc, 01 đến 02 Phó

giám đốc và các bộ phận phụ trách chuyên môn), các cụm (cụm trường, cụm phó và nhân viên, công nhân vận hành máy). Tổng số cán bộ, nhân viên và công nhân 832 người, đào tạo chuyên ngành thủy lợi 559 người (trình độ trên đại học 7 người, đại học 79 người, cao đẳng 02 người, trung cấp và nghề 478 người); đào tạo chuyên ngành cơ điện 22 người (đại học 11 người, cao đẳng 01 người, trung cấp và nghề 10 người).

- Khởi các hợp tác tổ chức dùng nước (HTX) hoạt động theo mô hình Ban quản lý HTX (Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc, Phó giám đốc, Kiểm soát viên và Kế toán, Thủ quỹ), các tổ nông giaing trực tiếp làm nhiệm vụ dẫn nước. Tổng số cán bộ, nhân viên 1.373 người

b) *Quản lý đề điều:* Hiện tại Chi cục Quản lý đề điều và Phòng chống lụt bão có 03 phòng (Phòng Hành chính Tổng hợp, phòng Quản lý đề điều, phòng Kế hoạch kỹ thuật) và 06 Hạt quản lý đề các huyện, thành phố trực thuộc, tổng số 54 cán bộ công chức, viên chức và hợp đồng. Bộ máy lãnh đạo gồm có 01 Chi cục trưởng, 01 Phó Chi cục trưởng, 01 trưởng phòng Quản lý đề điều, 01 trưởng phòng Hành chính Tổng hợp, 05 Hạt trưởng và 04 Phó Hạt trưởng hạt quản lý đề các huyện, thành phố.

3. Những khó khăn thách thức; những bất cập tồn tại của công tác thủy lợi cần giải quyết:

- Hệ thống công trình thủy lợi của tỉnh hầu hết được xây dựng đã lâu, qua quá trình khai thác, sử dụng đến nay công trình máy móc thiết bị cũ rão, xuống cấp, hiệu suất đạt thấp.

- Vi phạm công trình thủy lợi đã được các cấp, các ngành quyết liệt ngăn chặn những phát sinh mới và xử lý vi phạm cũ; tuy nhiên, đến nay còn tồn tại vi phạm công trình thủy lợi.

- Diễn biến thời tiết cực đoan do biến đổi khí hậu, gây nắng nóng, hạn hán kéo dài, mưa bão thường xuyên xuất hiện.

- Tình trạng xả thải chưa qua xử lý của các khu đô thị, làng nghề và các khu công nghiệp vào hệ thống công trình thủy lợi gây ô nhiễm nguồn nước ngày càng nghiêm trọng.

- Quá trình phát triển đô thị hóa, công nghiệp hóa đòi hỏi yêu cầu cấp nước, tiêu thoát nước ngày càng tăng, gây áp lực lớn cho công trình thủy lợi.

II. Kết quả thực hiện tái cơ cấu ngành thủy lợi

1. *Về rà soát điều chỉnh quy hoạch:* Để phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phối hợp với Viện quy hoạch thủy lợi rà soát điều chỉnh, bổ sung và đề nghị đầu tư, nâng cấp công trình thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản, phát triển cây trồng cạn.

2. Nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi

a) *Kết quả tưới tiêu, cấp nước và hiệu suất khai thác:* Hệ thống công trình thủy lợi những năm qua đã phục vụ đắc lực cho sản xuất nông nghiệp và dân sinh kinh tế trên địa bàn, bảo đảm an toàn lương thực, góp phần bảo vệ môi trường và

phòng chống giảm nhẹ úng, hạn. Hầu hết diện tích canh tác của nhân dân đã được phục vụ tưới tiêu chủ động, kịp thời, góp phần nâng cao năng suất, giữ vững và ổn định sản lượng lương thực của tỉnh, cụ thể: Phục vụ tưới tiêu hàng năm cho 27.531ha cây rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày, cây vụ đông; 37.168ha lúa Chiêm xuân; 36.876ha lúa vụ mùa; 1.900ha nuôi trồng thủy sản và 3.325ha cây trồng lâu năm, cây công nghiệp dài ngày.

Chủ động, đảm bảo tiêu, chống úng cho thành phố Hưng Yên, những khu Công nghiệp, dân sinh và các ngành kinh tế khác trên địa bàn tỉnh.

b) *Kết quả rà soát đánh giá hiện trạng công trình thủy lợi:* Công tác rà soát đánh giá hiện trạng công trình thủy lợi được các đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi tích cực quan tâm; hàng năm, trước mùa kiệt, mùa mưa bão các đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi tổ chức kiểm tra 100% công trình, máy móc thiết bị, hệ thống kênh mương và xây dựng kế hoạch tu sửa, bảo dưỡng và thay thế nhằm đảm bảo an toàn công trình thủy lợi, phát huy tối đa hiệu quả khai thác tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh và các ngành kinh tế.

c) *Kết quả đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý thủy lợi:* Thực hiện kế hoạch đào tạo nâng cao năng lực quản lý khai thác công trình thủy lợi cho cán bộ, công nhân tham gia quản lý công trình thủy lợi, nhằm đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa công tác quản lý thủy lợi, phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã giao nhiệm vụ Chi cục Thủy lợi phối hợp với các huyện và các đơn vị liên quan mở 06 lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nhằm nâng cao năng lực quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi cho cán bộ, công nhân vận hành trạm bơm và nhân viên điều tiết nước của các Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp, với tổng số học viên tham dự là 320 người.

d) *Các tồn tại vướng mắc trong quá trình thực hiện; các đề xuất kiến nghị với Trung ương, Tỉnh:*

- Việc áp dụng tiến bộ khoa học vào quản lý đến nay trên địa bàn tỉnh còn nhiều hạn chế, do kinh phí đầu tư máy móc thiết bị còn khó khăn, công trình và hệ thống công trình thủy lợi chưa đồng bộ, trình độ chuyên môn của độ ngũ cán bộ, nhân viên và công nhân vận hành của một số đơn vị chưa cao.

- Cùng cố hạ tầng thủy lợi, thủy lợi nội đồng mặc dù đã được các cấp, các ngành và các đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi quan tâm đầu tư, nhưng chưa cao, còn nhiều công trình và hệ thống kênh mương chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Đề xuất, kiến nghị:

Tăng cường đầu tư quản lý, khai thác chiều sâu hệ thống công trình thủy lợi nội đồng, góp phần chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, tưới tiết kiệm và áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Thường xuyên tổ chức tập huấn, phổ biến kiến thức áp dụng những tiến bộ kỹ thuật vào quản lý vận hành khai thác công trình thủy lợi.

3. Phòng chống giảm nhẹ thiên tai:

a) *Kết quả đạt được:*

- Hàng năm tham mưu báo cáo tổng kết và xây dựng Kế hoạch PCTT và TKCN tỉnh Hưng Yên.

- Tham mưu xây dựng Kế hoạch tổng thể triển khai thực hiện ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Hưng Yên đến năm 2020.

- Tham mưu xây dựng Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” tỉnh Hưng Yên.

b) *Khó khăn, vướng mắc*: Ngân sách tỉnh còn khó khăn chưa bố trí được nguồn kinh phí cho thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” và các công tác phòng chống thiên tai khác.

4. Nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn

a) *Kết quả điều tra, giám sát bộ chỉ số năm 2015*: Tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 91,6%; tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn Quốc gia đạt 53,2%. Đến nay, toàn tỉnh đã đầu tư xây dựng 33 công trình cấp nước tập trung, trong đó: 27 công trình đã đi vào hoạt động, với công suất khai thác 23.240m³/ng.đêm, cấp nước cho khoảng 190.277 hộ dân. Nhìn chung, số người sử dụng nước sạch còn thấp, hiệu suất khai thác ước đạt khoảng 48% so với quy mô và công suất hoạt động của nhà máy.

b) *Kết quả thực hiện củng cố tổ chức bộ máy, quản lý bền vững cấp nước sạch nông thôn*:

- Đối với cấp tỉnh: Ban điều hành Chương trình MTQG nước sạch và VSMT nông thôn được thành lập do đồng chí phó chủ tịch UBND tỉnh làm trưởng ban điều hành; các thành viên trong ban điều hành gồm đại diện lãnh đạo các sở ban ngành liên quan. Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn là đơn vị tham mưu, giúp việc cho Sở Nông nghiệp và PTNT, làm văn phòng thường trực cho Chương trình. Bộ máy Trung tâm bao gồm: Lãnh đạo trung tâm: 01 Giám đốc trung tâm; phòng Hành chính - Kế toán và Truyền thông: 05 biên chế và 02 HĐLĐ; phòng Kế hoạch - Kỹ thuật và Xét nghiệm nước: 05 biên chế và 02 HĐLĐ; trạm Cấp thoát nước và vệ sinh môi trường: 03 biên chế và 01 HĐLĐ làm việc tại văn phòng trung tâm và 18 cán bộ, công nhân vận hành các nhà máy nước.

- Đối với cấp huyện: Phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn quản lý các vấn đề liên quan đến nông nghiệp và phát triển nông thôn, trong đó có nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

- Đối với cấp xã: Có các cộng tác viên đóng tại địa bàn xã tham gia công tác điều tra, giám sát Bộ chỉ số liên quan tới nước sạch và vệ sinh môi trường. Đồng thời huy động nguồn lực tại địa phương tham gia công tác vận hành nhà máy nước sạch.

- Quản lý bền vững cấp nước nông thôn: Trên địa bàn toàn tỉnh hiện có 27 công trình cấp nước tập trung đang hoạt động. Trong đó: 01 công trình do UBND huyện quản lý, vận hành; 07 công trình do Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT quản lý vận hành; 19 công trình do doanh nghiệp quản lý vận hành.

- Công tác thực hiện xã hội hóa, huy động khu vực tư nhân tham gia: Đối với các dự án NTP3: Vốn nhân dân và doanh nghiệp đầu tư xây dựng công trình: 40%.

Đối với các dự án WB: Vốn người dân sử dụng nước đóng góp xây dựng công trình: 10%. Một số dự án khác do các đơn vị tư nhân tự đầu tư xây dựng.

c) *Kết quả đào tạo, nâng cao năng lực quản lý*: Trong suốt quá trình thực hiện, Trung tâm nước đã cử cán bộ tham gia 04 lớp tập huấn nâng cao năng lực khai thác, quản lý vận hành, gồm: Lớp tập huấn phòng chống thất thoát nước; học hỏi kinh nghiệm khai thác vận hành tại một số nhà máy; tập huấn cấp nước an toàn; tập huấn quản lý chất lượng nước...

d) *Khó khăn, vướng mắc*: Công tác cập nhật, điều tra số liệu thống kê liên quan đến nước sạch và vệ sinh môi trường để lập quy hoạch gặp nhiều khó khăn do các công trình cấp nước sạch nông thôn nằm rải rác tại các xã trên địa bàn tỉnh..

e) *Đề xuất, kiến nghị*: Đề nghị Tổng cục Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và PTNT quan tâm, xem xét một số vấn đề sau:

Ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể, thiết thực, kịp thời để giúp các đơn vị thực hiện chương trình nhanh chóng, hiệu quả; Ban hành các cơ chế chính sách nhằm đẩy mạnh việc xã hội hóa thực hiện Quy hoạch, huy động các nguồn vốn đầu tư nhất là vốn của dân, doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả của công trình; Ban hành bản quy định về quản lý, vận hành khai thác công trình cấp nước tập trung.

Quan tâm hơn nữa việc đầu tư, sửa chữa các công trình cấp nước hiện đang còn thi công dang dở do thiếu vốn, các công trình đang bị xuống cấp để kịp thời cung cấp nguồn nước sạch đảm bảo cho sức khỏe của người dân trong vùng.

Đối với công trình cấp nước tập trung nên ưu tiên áp dụng hai mô hình quản lý có hiệu quả đó là mô hình doanh nghiệp quản lý hoặc Trung tâm nước sinh hoạt và VSMT nông thôn tỉnh quản lý.

Nâng cao năng lực, tăng cường sự phối hợp của các cấp, các ngành nhằm thực hiện tốt Quy hoạch.

5. Điều chỉnh cơ cấu đầu tư

a) *Về thủy lợi nội đồng*: Kết quả rà soát dự án đầu tư phục vụ nuôi trồng thủy sản, phát triển cây trồng cạn, cụ thể:

- Tập trung vốn đầu tư xây dựng mới 4 trạm bơm (TB Tân Hưng, TB tiêu Nam Kê Sắt, TB Văn Giang B, Văn Giang 2) và cải tạo, nâng cấp 4 trạm bơm tưới, tiêu (TB Chùa Tổng bổ sung nhiệm vụ cấp nguồn, TB Hưng Long Giai đoạn II, TB Phú Hữu, Văn Phú A).

- Cải tạo, nạo vét 9 sông trục chính (sông Đình Dù, Ngưu Giang, hệ thống kênh TB La Tiến, Từ Hồ - Sài Thị, Tây Tân Hưng, Mười, Kim Ngưu, sông Lê Như Hồ, sông Tân An).

- Xây dựng âu thuyền Nghi Xuyên.

- Đầu tư cải tạo hệ thống thủy lợi nội đồng cho các vùng rau Văn Giang, Khoái Châu, Yên Mỹ; xây dựng mô hình tưới tiên tiến cho vùng hoa cây cảnh 3 huyện Văn Giang (Liên Nghĩa, Mỹ Sở, Xuân Quan, Phụng Công), Yên Mỹ Hoàn Long, Yên Phúc), Khoái Châu (Đông Tảo, Bình Minh) và vùng trồng vải Tam Đa - Phù Cừ, vùng nhãn Thành phố Hưng Yên, Khoái Châu.

- Đầu tư hệ thống thủy lợi nội đồng tưới tiêu riêng cho 6 vùng NTTS tập trung tại Ân Thi, Tiên Lữ, Khoái Châu, Kim Động; Đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi vùng bãi.

b) Về đề điều: Xây dựng kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 cho các dự án như: Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp đê tả sông Luộc (đoạn từ K0+000-K20+700), dự án đầu tư tu sửa, nâng cấp hệ thống kè Phú Hùng Cường, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên....

IV. Phương hướng thực hiện các nhiệm vụ trong những năm tới.

- Rà soát, bổ sung quy hoạch thủy lợi phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp và đáp ứng được nhu cầu cấp nước, tiêu thoát nước của các ngành kinh tế.

- Nâng cấp cơ sở hạ tầng thủy lợi, gắn với xây dựng đường giao thông nội đồng, đồn điền, đổi thửa, san phẳng đồng ruộng để có thể áp dụng các phương thức canh tác tiên tiến; tổ chức lại sản xuất theo quy mô lớn, thúc đẩy cơ giới hóa, góp phần nâng cao năng suất, giảm chi phí phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, tiết kiệm nước, nâng cao thu nhập cho người dân.

- Áp dụng các phương thức canh tác tiên tiến cho lúa; đẩy mạnh các giải pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho 1.000ha cây trồng cạn (huyện Văn Giang, Khoái Châu và Yên Mỹ) và xây dựng mô hình tưới tiên tiến cho 500ha vùng trồng vải Tam Đa-Phù Cừ. Khuyến khích phát triển công nghệ chế tạo để sản xuất, cung cấp dịch vụ cho tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

- Phát triển hạ tầng thủy lợi phục vụ thâm canh nuôi trồng thủy sản; ưu tiên đầu tư hệ thống thủy lợi cấp nước, tiêu nước riêng cho 6 vùng nuôi trồng thủy sản tập trung tại huyện Ân Thi, Tiên Lữ, Khoái Châu và Kim Động đảm bảo nguồn nước sạch, chủ động để nuôi trồng thủy sản theo công nghệ tiên tiến, năng suất cao và an toàn.

- Chuyển đổi cơ chế hoạt động của công tác quản lý khai thác từ cơ chế giao kế hoạch sang cơ chế đặt hàng hoặc đấu thầu quản lý khai thác; áp dụng các quy trình quản lý tiên tiến nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Nâng cấp hệ thống kênh mương, công trình trên kênh, đầu tư xây dựng mới trạm bơm, hệ thống kênh mương tăng tỷ lệ diện tích được cấp nước, khả năng tiêu nước của hệ thống ứng phó với biến đổi khí hậu.

Trên đây là kết quả thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành Thủy lợi và Đề án Nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi, Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Hưng Yên báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT tỉnh Hưng Yên./

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để báo cáo);
- Lãnh đạo Sở;
- Chi cục Thủy lợi;
- Lưu: VP.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Doanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ 3 NĂM THỰC HIỆN ĐỀ ÁN NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

(Kèm theo báo cáo số: 4 BC-SNN, ngày 13 / 5 / 2017 của Sở NN và PTNT tỉnh Hưng Yên)

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch đề ra	Kết quả đạt được sau 3 năm	Ghi chú
I	CỦNG CỐ HỆ THỐNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THỦY LỢI				
1	Diện tích canh tác lúa áp dụng theo phương thức canh tác tiên tiến	Ha			
2	Diện tích cây trồng cạn chủ lực được áp dụng biện pháp tưới tiên tiến, tiết	Ha	1.500		
3	Số lượng mô hình trình diễn về tưới tiên tiến, tiết kiệm nước được triển	Mô hình	1		
4	Diện tích thực hiện chuyển đổi từ cây lúa sang cây trồng cạn có giá trị kinh tế cao (cây ăn quả, rau, hoa...)	Ha			
5	Diện tích nuôi trồng thủy sản được cấp thoát nước	Ha	600		Khu nuôi trồng tập trung
6	Diện tích đất đã thực hiện dồn điền đổi thửa, xây dựng cánh đồng mẫu lớn	Ha			
7	Số hệ thống công trình thủy lợi được đầu tư các trang thiết bị công nghệ để nâng cao hiệu lực quản lý, vận hành	Hệ thống			
8	Số km kênh mương nội đồng được kiên cố hóa (sửa chữa nâng cấp)	Km	900		
9	Số công trình thủy lợi nội đồng được sửa chữa, nâng cấp	Công trình	9	1	2 công trình đang thi công
10	Số trạm bơm được đầu tư xây dựng mới	Trạm bơm	4		
11	Số trạm bơm được sửa chữa, nâng cấp	Trạm bơm	4	1	
II	NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI				
1	Số lượng các mô hình điểm về đổi mới quản lý, khai thác công trình thủy lợi đc thực hiện (các thành phần kinh tế tham gia quản lý khai thác công trình thủy lợi)	Mô hình			
2	Tổ chức thủy nông cơ sở:				
	a) Số lượng, loại hình	Tổ chức			
	- Tổng số hiện có				
	- Số lượng được thành lập mới				
	- Số lượng được củng cố, kiện toàn				
	- Số HTXDVNN có dịch vụ thủy lợi		153		

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch đề ra	Kết quả đạt được sau 3 năm	Ghi chú
	- Số HTX dùng nước				
	- Số Tổ hợp tác				
	- Số Ban quản lý thủy nông				
	- Tư nhân				
	- Khác				
	b) Quy mô				
	- Số tổ chức thủy nông cơ sở quy mô toàn xã		153		
	- Số tổ chức thủy nông cơ sở quy mô liên thôn				
	- Số tổ chức thủy nông cơ sở quy mô thôn				
	c) Hoạt động				
	- Số tổ chức thủy nông cơ sở thực hiện nhiều dịch vụ				
	- Tỷ số trong doanh thu từ dịch vụ thủy lợi trên tổng doanh thu của các tổ chức thủy nông cơ sở thực hiện nhiều				
	- Số tổ chức thủy nông cơ sở chỉ thực hiện dịch vụ thủy lợi				
	- Tỷ lệ số tổ chức thủy nông cơ sở hoạt động hiệu quả				
	d) Thủy lợi phí cấp bù				
	- Tỷ lệ tổ chức thủy nông cơ sở được cấp trực tiếp kinh phí cấp bù thủy lợi	%	100		
	- Tỷ lệ tổ chức thủy nông cơ sở được cấp gián tiếp kinh phí cấp bù thủy lợi				
	- Tỷ lệ tổ chức thủy nông cơ sở được cấp gián tiếp kinh phí cấp bù thủy lợi				
	đ) Thu phí dịch vụ thủy lợi				
	- Mức trần thu phí dịch vụ thủy lợi nội đồng do tỉnh quy định				
	- Mức thu phí dịch vụ thủy lợi nội đồng thực tế				
	- Tỷ lệ số tổ chức thủy nông cơ sở thu được phí dịch vụ thủy nông nội đồng				
	- Tỷ lệ bình quân thu được phí dịch vụ thủy lợi nội đồng từ người dùng nước				
3	Công ty thủy nông				
	- Số công ty thực hiện đặt hàng	Công ty			

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch đề ra	Kết quả đạt được sau 3 năm	Ghi chú
	- Số công ty đã ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản	Công ty			
4	Thực hiện kế hoạch đào tạo nâng cao năng lực				
	- Số lớp triển khai	Lớp	10	6	
	- Số cán bộ công chức, viên chức có chuyên môn thuộc chuyên ngành thủy lợi thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT, Chi cục Thủy lợi, phòng chuyên môn về lĩnh vực thủy lợi thuộc cấp huyện	Người			
	- Số viên chức là cán bộ quản lý (chủ tịch, giám đốc, phó giám đốc, kiểm soát viên) thuộc các đơn vị quản lý				
	- Số nhân viên kỹ thuật, người trực tiếp làm công tác vận hành công trình thủy lợi thuộc các đơn vị khai thác	Cán bộ			
	Người quản lý, nhân viên trực tiếp vận hành CTTL thuộc Tổ chức HTDN (tổ chức thủy lợi cơ sở), cá nhân tham gia quản lý vận hành	Người	440	320	